

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung (đợt 1) Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 38/2025/QĐ-UBND ngày 15/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về Lệ phí trước bạ; Nghị định số 175/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về Lệ phí trước bạ; Thông tư số 67/2025/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 5417/TTr-STC ngày 15 tháng 8 năm 2025 và Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 252/BC-STP ngày 14 tháng 8 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung (đợt 1) Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 38/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 1. Bổ sung đơn giá nhà tại Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 38/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh như sau:

STT	Công trình nhà	Đơn giá 01 m ² sàn (đồng)
1	Công trình nhà xưởng sản xuất và khu văn phòng	
	Nhà 2 tầng, kích thước 165m x 70m, kết cấu phần móng, cột, sàn BTCT; phần thân: tường gạch, kết cấu mái sử dụng hệ dầm thép tổ hợp, cột thép	3.788.032

STT	Công trình nhà	Đơn giá 01 m ² sàn (đồng)
2	Công trình nhà xưởng sản xuất	
a	Nhà 01 tầng + 01 tầng lửng, cao 17,15m, cột kèo thép, tường gạch mái tôn, không có cầu trục	7.811.967
b	Nhà 1 tầng, khẩu độ 50m, cao 10,3m, không có cầu trục, cột kèo thép, tường xây gạch lửng, mái tôn	4.051.641
c	Nhà 1 tầng kích thước 59,5m x 63m, sàn, khung, cột BTCT, tường gạch, phía trên bao tôn, mái tôn	5.830.836
d	Nhà 1 tầng kích thước 68m x 55m, sàn, khung, cột BTCT, tường gạch, phía trên bao tôn, mái tôn	5.805.431
e	Nhà 1 tầng kích thước 80m x 64m, sàn, khung, cột BTCT, tường gạch, phía trên bao tôn, mái tôn	5.597.544
3	Công trình nhà xưởng công nghiệp	
a	Nhà 1 tầng, kích thước 152,8 x 64,4 x 18,4 (m), bước cột 8 x 21 (m), có cầu trục 30T, khung thép, tường gạch, phía trên bao tôn, mái tôn	4.823.847
b	Nhà 1 tầng, kích thước 152,8 x 81,4 x 19,35 (m), bước cột 8 x 20 (m), có cầu trục 30T, khung thép, tường gạch, phía trên bao tôn, mái tôn	4.098.719
c	Nhà 1 tầng, kích thước 152,8 x 64,4 x 18,4 (m), bước cột 8 x 21 (m), có cầu trục 30T, khung thép, tường gạch, phía trên bao tôn, mái tôn	4.823.847
d	Nhà 1 tầng, kích thước 72,8 x 81,4 x 19,35 (m), bước cột 8 x 21 (m), có cầu trục 30T, khung thép, tường gạch, phía trên bao tôn, mái tôn	4.398.951

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 9 năm 2025.

2. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng, Tư pháp; Trưởng Thuế tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý Khu kinh tế; Giám đốc Kho bạc nhà nước khu vực III; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

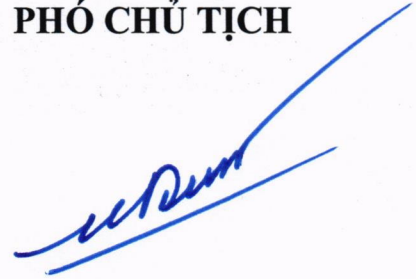
Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các hồ sơ gửi đến cơ quan Thuế để tính và thu phí lệ phí trước bạ nhà chưa có đơn giá nhà tại Quyết định số 38/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh thì thực hiện theo đơn giá nhà quy định tại Điều 1 Quyết định này. *UCC*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tài chính; Bộ Xây dựng (B/c);
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp (B/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- V0, V1-V4, XD, QLĐĐ, TH;
- Lưu: VT, TM6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Văn Diện